

PHẦN I
CÁC CHÍNH SÁCH VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ MỚI
TỪ THÁNG 9 NĂM 2017 ĐẾN NAY

A. CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI

I. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

1. Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 05/11/2017) sửa đổi, bổ sung một số nội dung hướng dẫn về phương pháp tính thuế GTGT như sau:

(i) **Bổ** hướng dẫn nộp Mẫu 06/GTGT để đăng ký áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập và cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu chịu thuế GTGT dưới một tỷ đồng.

(ii) **Bổ** hướng dẫn nộp Mẫu 06/GTGT khi chuyển đổi phương pháp tính thuế GTGT.

(iii) **Bổ sung** hướng dẫn Phương pháp tính thuế GTGT của cơ sở kinh doanh xác định theo Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính).

Như vậy, kể từ ngày 5/11/2017 Thông tư số 93/2017/TT-BTC có hiệu lực:

Việc xác định phương pháp tính thuế GTGT căn cứ theo Hồ sơ khai thuế GTGT do cơ sở kinh doanh gửi đến cơ quan thuế, cụ thể:

- Nếu cơ sở kinh doanh đăng ký áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì gửi Tờ khai thuế GTGT Mẫu số 01/GTGT, 02/GTGT đến cơ quan thuế.

- Nếu cơ sở kinh doanh đăng ký áp dụng phương pháp trực tiếp thì gửi Tờ khai thuế GTGT Mẫu số 03/GTGT, 04/GTGT đến cơ quan thuế.

(Tờ khai thuế GTGT Mẫu số 01/GTGT, 02/GTGT, 03/GTGT và 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính - đã

được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính)

2. Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ (có hiệu lực từ 01/02/2018) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của CP.

Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP nêu trên.

Nội dung mới tại Nghị định số 146/2017/NĐ-CP và Thông tư số 25/2018/TT-BTC như sau:

(i) Về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Quy định cụ thể hơn về “Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến **trực tiếp từ nguyên liệu chính** là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên” trừ các trường hợp sau được áp dụng thuế suất 0% nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định:

+ Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn).

+ Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn).

+ Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm xuất khẩu.

- Hướng dẫn xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến không bao gồm chi phí vận chuyển, cụ thể:

Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi mua đến nơi chế biến.

(ii) Về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu

- Từ 01/07/2016 đến trước 01/02/2018:

Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp **hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu**, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật Hải quan, Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các văn bản hướng dẫn.

- Từ 01/02/2018:

Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu **bao gồm cả trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài**, có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT đối với trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà hàng hóa xuất khẩu đó không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

II. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP về khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

- Hướng dẫn cụ thể hơn về trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC:

“Trường hợp doanh nghiệp có chuyển nhượng một phần vốn hoặc chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, nếu có chuyển giao tài sản thì doanh nghiệp nhận chuyển nhượng chỉ được trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ đối với các tài sản chuyển giao đủ điều kiện trích khấu hao theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán tại doanh nghiệp chuyển nhượng.”.

- Bổ sung quy định khống chế mức chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động như đối với trường hợp doanh nghiệp mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động và đồng thời nâng mức khống chế chi phí đóng quỹ bảo hiểm hưu trí, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm nhân thọ từ mức 01 triệu đồng/tháng/người lên mức **03** triệu đồng/tháng/người tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC.

Trước: Đối với khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, doanh nghiệp được tính toàn bộ vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu việc mua bảo hiểm nhân thọ này được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ như Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tài chính, Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, đồng thời có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Mức khống chế chi phí đóng quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động là 01 triệu đồng/tháng/người.

III. Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP về xác định khoản thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính như sau:

“b. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp.”

IV. Chính sách thuế về đất đai.

Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

1. Về tiền sử dụng đất

- Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP của Chính phủ bổ sung quy định: “Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (không phải là đất ở) có nguồn gốc là đất ở sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân thì không phải nộp tiền sử dụng đất”

2. Về tiền thuê đất

2.1. Bổ sung quy định về cách xác định thu tiền sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể như sau:

Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê có sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích đất, một phần hoặc toàn bộ diện tích nhà, công trình xây dựng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì phải nộp tiền thuê đất như sau:

a) Trường hợp sử dụng toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, tài sản gắn liền với đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết thì tiền thuê đất được xác định như đối với trường hợp tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất sản xuất kinh doanh.

b) Trường hợp sử dụng một phần diện tích đất hoặc tài sản gắn liền với đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết thì số tiền thuê đất phải nộp được xác định trên cơ sở giá đất tại Bảng giá đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và tỷ lệ

phần trăm (%) diện tích đất hoặc diện tích nhà, công trình xây dựng (sàn sử dụng) sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết.

c) Trường hợp quy định tại điểm b khoản này không tách riêng được diện tích phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết thì số tiền thuê đất phải nộp được xác định theo hệ số phân bổ. Hệ số phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết với tổng dự toán thu của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2.2. Bổ sung trình tự, thủ tục hồ sơ đối với:

+ Miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với dự án nhà ở xã hội, dự án đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa

+ Trình tự, thủ tục xác định tiền sử dụng đất phải nộp khi người được mua, thuê mua nhà ở xã hội thực hiện bán, chuyển nhượng

+ Trình tự, thủ tục hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất

+ Trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động trong các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật đầu tư năm 2014

+ Trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với một số trường hợp thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất nhưng không có dự án đầu tư

+ Hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động trong các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Đầu tư năm 2014

+ Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với trường hợp chủ đầu tư thực hiện dự án xây dựng nhà ở cho công nhân thuê trên đất thuê lại của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

+ Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học.

3. Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi một số điều của Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của CP quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Tại khoản 5, khoản 6 Thông tư số 10/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính bổ sung thêm quy định:

+ Trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (không phải là đất ở) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đất ở của hộ gia đình, cá nhân sang đất ở để thực hiện dự án đầu tư từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau thì nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo quy hoạch xây dựng chi tiết của dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trừ (-) tiền sử dụng đất tính theo quy hoạch xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân của từng khu vực tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Đối với trường hợp tổ chức kinh tế được chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 29, khoản 30 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, thuộc trường hợp được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất của loại đất sau khi chuyển mục đích được xác định của thời hạn sử dụng đất được xác định theo quy định trừ (-) đi số tiền sử dụng đất tính theo giá đất của loại đất trước khi chuyển mục đích của thời hạn sử dụng đất còn lại tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Tại Điều 3 quy định bổ sung trường hợp Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 30 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, thuộc trường hợp được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất của loại đất sau khi chuyển mục đích được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 10/2018/TT-BTC của thời hạn sử dụng đất được xác định theo quy định trừ (-) đi số tiền sử dụng đất tính theo giá đất của loại đất trước khi chuyển mục đích của thời hạn sử dụng đất còn lại tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

4. Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/ 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 /5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

- Tại Điều 1 Thông tư số 11/2018/TT-BTC bổ sung thêm quy định:

+ Trường hợp người được Nhà nước cho thuê đất đang sử dụng nhà, đất tại công trình xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp thuộc sở hữu nhà nước hoặc có phần diện

tích thuộc quyền quản lý của Nhà nước mà không tách riêng được phần diện tích đất sử dụng cho từng đối tượng đang sử dụng thì tiền thuê đất phải nộp được phân bổ cho từng đối tượng sử dụng theo hệ số phân bổ nhân (x) với diện tích sàn sử dụng của từng đối tượng và áp dụng từ ngày 01/7/2014. Trong đó:

a) Hệ số phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa diện tích đất tính thu tiền thuê đất và tổng diện tích sàn sử dụng của các đối tượng.

b) Trường hợp nhà có tầng hầm thì 50% diện tích tầng hầm được cộng vào tổng diện tích sàn sử dụng của công trình xây dựng để tính hệ số phân bổ.

Trường hợp diện tích các tầng hầm được xác định là thuộc sở hữu chung của các đối tượng sử dụng công trình xây dựng thì diện tích các tầng hầm được phân bổ đều cho các đối tượng sử dụng công trình xây dựng.

Trường hợp diện tích các tầng hầm được xác định là thuộc sở hữu của đối tượng phải nộp tiền thuê đất thì diện tích các tầng hầm được phân bổ để tính thu tiền thuê đất cho đối tượng này.

+ Người sử dụng đất được gia hạn sử dụng đất, người sử dụng đất thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất thì tiền thuê đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm được gia hạn.

Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất tính từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất.

Trường hợp hết thời gian thuê đất nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất thì người sử dụng đất phải nộp tiền thuê đất của từng năm sử dụng đất kể từ thời điểm hết thời gian thuê đất đến thời điểm có quyết định gia hạn thời gian thuê đất theo đơn giá xác định trên cơ sở giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành của từng năm sử dụng đất; không được ổn định đơn giá thuê đất (05 năm một lần) trong khoảng thời gian này.

- Tại Điều 2 Thông tư bổ sung thêm nội dung: Trường hợp người được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và được miễn toàn bộ tiền thuê đất nhưng trong thời gian thuê có nguyện vọng nộp tiền thuê đất (không hưởng ưu đãi) thì số tiền thuê đất phải nộp một lần cho thời gian thuê đất còn lại được xác định theo chính

sách và giá đất tại thời điểm người sử dụng đất có văn bản đề nghị được nộp tiền thuê đất.

5. Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Thông số 32/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP như sau:

5.1. Về ưu đãi tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao Hòa Lạc:

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được Nhà nước cho thuê đất với mức giá ưu đãi, đồng thời có chính sách ưu đãi đối với đất sử dụng vào mục đích thực hiện dự án thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, cụ thể:

(i) Giá đất cụ thể tính thu tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao được xác định bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất (không áp dụng các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư quy định tại Nghị định của Chính phủ về giá đất) và do Ban Quản lý quyết định.

(ii) Mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất do Ban Quản lý ban hành hàng năm và công bố công khai trong quá trình triển khai thực hiện theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí đất tương ứng với từng lĩnh vực đầu tư sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hàng năm với mức là 1%; riêng đối với:

- Đất sử dụng vào mục đích thực hiện dự án thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật từ 0,5% đến 1%;

- Đất sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ từ 1% đến 3%.

5. 2. Về ưu đãi đất đai:

- Đối với trường hợp thuê đất trực tiếp của Ban Quản lý và trường hợp đã được giao đất không thu tiền sử dụng đất phải chuyển sang thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật đất đai năm 2013, ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

- Đối với trường hợp thuê lại đất của chủ đầu tư hạ tầng, việc miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện như sau: Chủ đầu tư hạ tầng đã được Ban Quản lý cho thuê đất trước

ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa nộp tiền thuê đất, nếu Chủ đầu tư hạ tầng thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hằng năm thì được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất và có trách nhiệm miễn tiền thuê đất cho nhà đầu tư thuê lại đất tương ứng với mức ưu đãi của chủ đầu tư hạ tầng quy định tại Điểm này.

- Đối với trường hợp sử dụng đất vào mục đích xây dựng công trình phục vụ quản lý và khai thác hạ tầng, người sử dụng đất được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê.

- Người sử dụng đất được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong toàn bộ thời gian sử dụng đất.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ MỚI

Từ tháng 9/2017 đến tháng 7/2018, tiếp tục thực hiện Chương trình cải cách hành chính (CCHC) của Chính phủ, Tổng cục Thuế đã thực hiện nghiêm túc công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC theo Kế hoạch CCHC của Tổng cục Thuế năm 2017, 2018. Chỉ đạo sát sao các Vụ/đơn vị thuộc Tổng cục Thuế thực hiện đồng bộ 6 nhóm nhiệm vụ chính của CCHC: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (TTHC); cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính. Những kết quả đạt được nổi bật như sau:

1. Cải cách thể chế

- **Về công tác xây dựng pháp luật:** Để tạo khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, từ 9/2017 đến tháng 7/2018, Tổng cục Thuế đã nghiên cứu đề trình các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung về thể chế, chính sách, cụ thể: Tổng cục Thuế đã hoàn thành việc xây dựng hồ sơ xây dựng Luật Quản lý thuế sửa đổi và đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08/6/2018 về Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2019 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018; Đã được Chính phủ đồng ý cho xây dựng Nghị định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; Đã trình Bộ Tài chính ban hành 03 Thông tư (Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014) và bãi bỏ Khoản 7 Điều 11 Thông tư

số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính; Thông tư số 05/2018/TT-BTC ngày 22/01/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thí điểm về khai, nộp lệ phí trước bạ (LPTB) điện tử đối với ô tô, xe máy và trao đổi dữ liệu điện tử thu nộp LPTB đối với ô tô, xe máy; Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ) và tiếp tục xây dựng các Thông tư mà Tổng cục Thuế được giao chủ trì soạn thảo trong năm 2018.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện mục tiêu tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP, 19-2018/NQ-CP và theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đã và đang tiếp tục rà soát, nghiên cứu đề trình các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung về thể chế, chính sách nhằm đơn giản hóa TTHC.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thuế cũng đang rà soát để ban hành mới và sửa đổi các Quy trình nghiệp vụ của Tổng cục Thuế liên quan đến người nộp thuế, như: Quy trình kế toán thuế nội địa; Quy trình Đăng ký thuế; Quy trình Khai và nộp thuế; Quy trình thanh tra, kiểm tra thuế..., Tổng cục Thuế đã hoàn thành sửa đổi quy trình bán lẻ, cấp lẻ hóa đơn.

- ***Về công bố, công khai TTHC:*** Tổng cục Thuế đã trình Bộ ban hành Quyết định số 2369/QĐ-BTC ngày 16/11/2017 công bố hai (02) thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (**bãi bỏ 02 Thủ tục**). Chuyển đổi áp dụng các phương pháp tính thuế giá trị gia tăng, tại cấp Cục Thuế và Chi cục Thuế). Việc công khai các TTHC trong lĩnh vực thuế đã và đang được thực hiện đa dạng dưới nhiều hình thức như đăng tải tại các trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tại địa chỉ www.gdt.gov.vn và 63 Cục Thuế như www.hcmtax.gov.vn, www.hanoi.gdt.gov.vn,... đồng thời, niêm yết các TTHC thuộc cấp Tổng cục Thuế tại trụ sở Văn phòng Tổng cục Thuế; Các thủ tục hành chính được công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia, công khai tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên website TCT để người nộp thuế tra cứu.

- ***Về rà soát, đánh giá, đơn giản hoá TTHC:*** Tổng cục Thuế đang triển khai thực thi phương án đơn giản hoá 16 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế theo Quyết định số 2707/QĐ-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ

Tài chính. Đồng thời, triển khai rà soát đơn giản hoá 30 TTHC theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-TCT ngày 25/01/2018 của Tổng cục Thuế và đang triển khai, thực hiện rà soát đơn giản hoá các TTHC để đáp ứng dịch vụ công cấp công trực tuyến cấp độ 3,4 theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 2554/BTC-THTK.

3. Hiện đại hóa hành chính

Từ tháng 9/2017 đến tháng 7/2018, Tổng cục Thuế đã tiếp tục thực hiện các dự án ứng dụng CNTT, đặc biệt là đã đẩy nhanh tiến độ triển khai và mở rộng thực hiện khai thuế qua mạng và nộp thuế điện tử; hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế; triển khai hoàn thuế điện tử nhằm thực hiện được các mục tiêu mà Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP, 19-2018/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử đã giao. Kết quả cụ thể như sau:

- **Mở rộng hệ thống khai thuế qua mạng:** Hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố và 100% Chi cục Thuế trực thuộc. Tính đến 20/7/2018 có 670.403 doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử, đạt 99,96% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước (số doanh nghiệp hoạt động là: 670.903 doanh nghiệp); số lượng hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận là trên 52,7 triệu hồ sơ.

- **Triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử:** Phối hợp với 47 Ngân hàng thương mại đã hoàn thành kết nối NTĐT với Tổng cục Thuế và 63 Cục Thuế triển khai dịch vụ Nộp thuế điện tử và tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ. Tính đến tháng 20/7/2018, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế là 658.186 doanh nghiệp trên tổng số 60.903 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 98.10%. Số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng là 645.225 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 96,17% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, với số tiền đã nộp NSNN từ 01/01/2018 đạt trên 328.268 tỷ đồng với 1.908.025 giao dịch nộp thuế điện tử.

Tiếp tục tổ chức vận hành và giám sát hệ thống chặt chẽ để đáp ứng yêu cầu khai và nộp thuế điện tử trong kỳ.

- **Hoàn thuế điện tử:** Từ ngày 04/08/2017, hệ thống mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế tại 63 tỉnh. Tính từ ngày 01/01/2018 đến tháng 20/7/2018 tổng số doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử là 5.135 trên tổng số 5.775 doanh nghiệp hoàn thuế đạt tỷ lệ 88.92%; số hồ sơ tiếp nhận là 11.273 hồ sơ trên tổng số

12.163 hồ sơ đạt tỷ lệ 92,68%; tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 8.208 hồ sơ với tổng số tiền đã giải quyết hoàn là hơn 42.138 tỷ đồng.

- Xây dựng và triển khai thí điểm hệ thống cấp hóa đơn điện tử có xác thực:

Tổ chức hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại Tp Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh, tính từ thời điểm triển khai tháng 9/2015 đến tháng 7/2018 có 247 doanh nghiệp thực hiện xuất hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế với **6.649.635** hóa đơn đã được xác thực, tổng doanh thu xác thực là hơn 72.271 tỷ đồng.

Ngoài ra, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, từ đầu năm 2018 đến nay, Tổng cục Thuế đã và đang thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ, cụ thể:

- Về tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến là 123/298 đạt mức 3 trở lên. 63 Cục Thuế và Tổng cục Thuế đều đã có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin thuế.

+ Cung cấp 7 dịch vụ công từ mức độ 3 trở lên gồm: Kê khai hóa đơn qua mạng, Kê khai sử dụng biên lai phí, lệ phí qua mạng, Khai thuế qua mạng, Nộp thuế điện tử, TNCN Online, Hoàn thuế điện tử, Hệ thống cấp mã chống giả hóa đơn (giảm 01 nhóm dịch vụ công “Website hỏi đáp chính sách thuế” do Văn phòng xác định đây không phải là dịch vụ công đáp ứng 298 TTHC).

- Triển khai dịch vụ nộp thuế đất đai, hộ cá nhân điện tử:

+ Khai thuế điện tử: Tổng cục Thuế đã triển khai khai thuế điện tử đối với tờ khai cho thuê nhà tại 20 Cục Thuế (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Phú Thọ, Bắc Ninh, Lào Cai, Điện Biên, Hoà Bình, Lai Châu, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Giang, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Dương, Hưng Yên, Yên Bái) và các Chi cục Thuế trực thuộc. Kết quả triển khai từ ngày 01/01/2018 đến ngày 20/7/2018, cụ thể như sau: có 8.611 tài khoản đã đăng ký (trong đó, Cục Thuế TP. Hà Nội: 2.577 tài khoản; Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh: 5.380 tài khoản; các Cục Thuế còn lại: 654 tài khoản); Với 54.046 tờ khai đã gửi (trong đó, Cục Thuế TP. Hà Nội: 14.431 tờ khai; Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh: 39.047 tờ khai; các Cục Thuế còn lại: 320 tờ khai).

+ Nộp thuế điện tử: Tổng cục Thuế đã kết nối dữ liệu thành công với 03 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng VietcomBank, Ngân hàng VietinBank, Ngân hàng

AgriBank).

- *Triển khai dịch vụ nộp lệ phí trước bạ ô tô, xe máy điện tử:*

+ *Về ứng dụng:* Hiện tại, ứng dụng khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử đã hoàn thiện và sẵn sàng cho việc triển khai.

+ *Về căn cứ pháp lý:* Ngày 22/01/2018 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 05/2018/TT-BTC về việc hướng dẫn thí điểm khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy và trao đổi dữ liệu điện tử thu nộp LPTB đối với ô tô, xe máy. Tổng cục Thuế đã phối hợp với Cục CSGT, Cục ĐK hoàn thiện nội dung Quy chế phối hợp. Cục CSGT đang báo cáo lãnh đạo Bộ Công an, Cục Đăng kiểm đang báo cáo lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải để ký kết Quy chế phối hợp. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có chỉ đạo từ Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải. Vì vậy, Quy chế phối hợp chưa được ký nên chưa có cơ sở pháp lý để triển khai ./.

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN MỚI TỪ THÁNG 9/2017 ĐẾN NAY

1. Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014) và bãi bỏ khoản 7 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính).

2. Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 (có hiệu lực từ 01/02/2018) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ.

3. Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

4. Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

5. Thông tư số 05/2018/TT-BTC ngày 22/01/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm về khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy và trao đổi dữ liệu điện tử thu nộp lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy.

6. Quyết định số 2369/QĐ-BTC ngày 16/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ tài chính.

7. Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

8. Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

9. Thông số 32/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP.